

Chế độ học quy và trường quy trong hệ thống giáo dục Nho học Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX

Trịnh Thị Hà*

Nhận ngày 18 tháng 2 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 5 năm 2022.

Tóm tắt: Nền giáo dục và khoa cử Nho học Việt Nam được hình thành từ rất sớm, nhưng thực sự phát triển, đi vào điển chế dưới triều Lê sơ, trở thành khuôn mẫu cho vương triều sau kế thừa. Trên cơ sở tiếp nối có mở rộng, triều Lê -Trịnh (thế kỷ XVII, XVIII), triều Nguyễn (thế kỷ XIX) đã thực thi nhiều chính sách quan trọng về giáo dục, khoa cử, trong đó có việc định ra các quy tắc trong trường học và trường thi. Theo đó, Nhà nước yêu cầu học sinh phải siêng năng, nghiêm cẩn tuân thủ kỷ luật học tập; các học quan phải có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc học, nghiêm túc giảng dạy. Trong trường thi, thí sinh không được mang tài liệu, ngồi đúng vị trí thi, giữ trật tự khi làm bài, không phạm lỗi hùỵ khi viết bài, và phải nộp bài đúng thời gian. Các quan trường không tiếp xúc với thí sinh, không mang giấy mực vào trường, thận trọng khi ra đề, chấm thi và thực hiện nghiêm lệ “hồi tỵ” để kỳ thi diễn ra nghiêm túc.

Từ khóa: Học quy, trường quy, triều Nguyễn, triều Lê - Trịnh, giáo dục, Nho học.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The Confucian education and civil service examination in Vietnam were started very early in history, but it was not until the Early Lê dynasty that they were really developed and put into a system of regulations to become a model for the subsequent dynasties to follow and develop. The continuation and development of the regulations by the Lê -Trịnh dynasty of the 17th and 18th centuries and the Nguyễn dynasty of the 19th century led to the implementation of many important policies in that regard, including the creation of rules in schools and exam venues. Accordingly, the State required students to be diligent and strictly abiding by the study discipline, and the mandarins in charge of education should manage strictly the learning and be serious in teaching. In the exam venues, candidates were not allowed to bring along the documents [that they could copy from]. They should sit in the exact places they were given, not discussing with one another when working on the exam papers. They should not violate the regulations banning them from writing the exact Chinese characters that are the names of the monarchs and some of their family members, and were required to submit the papers on time. The mandarins in charge of the exams should neither contact the

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: trinhha3012@gmail.com

candidates nor bring paper or ink to the venues. They were required to be careful when preparing the exam questions and marking the exam papers. The mandarins were not allowed to take assignments in the exam venues of their native places or where some of their relatives were sitting for the exam. These stipulations were aimed at securing the fairness of examinations.

Keywords: Rules for the studies, rules for examinations, Nguyễn dynasty, Lê-Trịnh dynasty, education, Confucianism.

Subject classification: History

1. Đặt vấn đề

Trong các thế kỷ từ XVII đến thế kỷ XIX, để khuyến khích giáo dục và khoa cử Nho học phát triển, cùng với sự quan tâm về xây dựng cơ sở vật chất trường lớp, in ấn sách vở, đề ra quy chế tuyển chọn giáo viên, học sinh, thực hiện chế độ đãi ngộ dành cho thầy và trò..., các triều đại Lê - Trịnh và Nguyễn rất chú ý tới việc ban hành học quy về nề nếp học tập, thái độ của thầy và trò khi tham gia giảng tập. Trong khoa cử, ngoài thể lệ về chế độ tuyển chọn quan trường, đối tượng dự thi, thời gian, địa điểm mở khoa thi, nội dung thi, thì việc xây dựng quy tắc trường quy đối với thí sinh dự thi và quan trường trông thi cũng được nhà nước phong kiến rất coi trọng. Việc đề ra những quy tắc này không chỉ đảm bảo cho việc học tập, thi cử diễn ra nghiêm túc, lựa chọn được nhiều hiền tài cho nhà nước, mà còn góp phần củng cố ý thức hệ Nho giáo, tăng cường sự chuyên chế của bộ máy chính quyền.

Việc viết về vấn đề giáo dục, tổ chức thi cử Nho học thời quân chủ hay chế độ học quy và trường quy trong hệ thống giáo dục Nho học từ thế kỷ XVII đến XIX đã nhận được quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Một số nội dung cụ thể của nội quy trường học, trường thi nói chung, thuộc giai đoạn thế kỷ XVII đến XIX nói riêng, ít nhiều sớm được phản ánh qua một số công trình nghiên cứu về lịch sử giáo dục, khoa cử Nho học đăng trên các tạp chí Nam Phong, Thanh Nghị, Tri Tân của các học giả Việt Nam vừa hiểu biết về Hán học vừa chịu ảnh hưởng của vốn kiến thức Tây học. Từ thập niên 1990 của thế kỷ XX đến nay, các nghiên cứu về giáo dục và khoa cử Việt Nam xuất hiện ngày một nhiều, biểu hiện dưới nhiều dạng thức (bài viết, công trình chuyên khảo, luận án), phản ánh những cách nhìn nhận khác nhau của các tác giả về vấn đề này ngày càng đa dạng. Trong đó, nội dung về học quy, trường quy trong hệ thống giáo dục từ thế kỷ XVII đến XIX cũng được đề cập cụ thể hơn. Có thể kể đến các công trình như: Vũ Ngọc Khánh (1945), Nguyễn Tiến Cường (1998), Vũ Duy Mền (chủ biên), (2020)... Một số công trình, khi nghiên cứu trực tiếp về giáo dục, khoa cử của triều Lê - Trịnh hoặc triều Nguyễn, đã phản ánh được một phần chế độ học quy, trường quy. Như công trình của Đoàn Thành và Nguyễn Kiến (1968) đề cập đến một số quy tắc dành cho thí sinh khi dự thi Hương nửa cuối thế kỷ XVII, gồm lý lịch đạo đức, các lỗi phạm hủ ý trong bài thi; Nguyễn Thị Chân Quỳnh (2001), Nguyễn Thị Chân Quỳnh (2003) lại dành nhiều quan tâm đến trường quy dành cho quan trường trông coi kỳ thi Hội cả triều Lê - Trịnh và triều Nguyễn. Tác giả Nguyễn Ngọc Quỳnh (2011) lại nhấn mạnh đến một số nội quy trong hệ thống trường học Quốc Tử Giám Huế.

Trong công trình của Đỗ Thị Hương Thảo (2016) đã trình bày khá cụ thể một số trường quy tại kỳ thi Hương ở hai trường thi Hà Nội và Nam Định dưới triều Nguyễn, chủ yếu đi sâu về “hồi ty” đối với quan trường, cách thức làm bài của thí sinh; đồng thời có sự so sánh để thấy được biến đổi về quy định trường quy giữa hai trường qua từng triều vua. Một số công trình nghiên cứu của học giả nước ngoài như Alexander Barton Woodside (1977), Alexander Barton Woodside (2006); Nola Cooke (1998) đã nhấn mạnh yếu tố vùng miền có tác động mạnh mẽ đến chính sách giáo dục của các vua triều Nguyễn, trong đó có việc đề ra quy tắc dành cho thầy và trò trong trường học. Như vậy, một số khía cạnh của học quy, trường quy đã được các học giả trong nước, nước ngoài quan tâm đến. Những nghiên cứu đó tuy chưa phản ánh toàn diện nội dung học quy, trường quy, sẽ giúp tác giả bài viết này rất nhiều trong việc tìm hiểu vấn đề của mình, chủ yếu là làm rõ một cách đầy đủ, hệ thống những nội quy, trường quy cụ thể của Nhà nước dành cho từng đối tượng (học quan, học trò, thí sinh, quan trường), cũng như tác dụng của chế độ đó trong chính sách giáo dục, đào tạo và tuyển chọn hiền tài phục vụ cho bộ máy nhà nước trong giai đoạn lịch sử này.

2. Học quy trong hệ thống trường học

2.1. Khái quát về hệ thống trường học thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX

Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, hệ thống trường lớp được Nhà nước quan tâm, cho xây dựng nhiều và mở rộng về quy mô từ trung ương xuống địa phương. Ngoài trường Quốc học đứng đầu cả nước, triều Lê - Trịnh vẫn tiếp tục duy trì hoạt động của một số trường học khác đã được xây dựng từ thời Lê sơ thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước như *Sùng Văn quán* (Chiêu văn quán) và *Tú Lâm cục*. Đây vốn vừa là nơi làm việc của quan lại, vừa là học đường để đào tạo người làm việc dành cho con cháu trong hoàng tộc, con cháu quan viên không học tập tại trường Quốc học. Ở cấp địa phương, Nhà nước cho mở trường học cấp phủ (trường Hương học) do viên *Giáo thụ* (Chánh bát phẩm) đảm trách, trực tiếp giảng dạy học trò. Tại các huyện (vùng đồng bằng), các châu (miền núi), triều đình cho đặt chức *Huấn đạo* (Chánh cử phẩm) làm nhiệm vụ quản lý công việc học tập, trực tiếp khảo hạch các sinh đồ và học sinh ở nơi chưa mở được trường dạy học.

Sang thế kỷ XIX, do nhu cầu đào tạo đông đảo đội ngũ quan lại tham gia quản lý hành chính ở nhiều địa phương trong phạm vi lãnh thổ rộng lớn, thống nhất trong cả nước, nên giáo dục Nho học được khuyến khích phát triển hơn rất nhiều. Ngoài trường Quốc Tử Giám tiếp tục được duy trì và đặt tại Kinh đô Huế, việc lập trường học ở các dinh trấn (tỉnh), phủ, huyện được triều Nguyễn quan tâm nhiều hơn, nhất là dưới thời Minh Mệnh và Tự Đức. Qua thống kê từ *Đại Nam nhất thống chí*, riêng giai đoạn từ năm 1864 đến năm 1875, triều Nguyễn đã xây dựng được 159 ngôi trường, trong đó có 19 trường cấp tỉnh (17 trường tỉnh, 2 trường đạo), 65 trường phủ và 75 trường huyện. Đặc biệt, việc học cấp tổng cũng được triều Nguyễn quan tâm khi từ năm 1812, vua Gia Long đã cho đặt chức Tổng giáo tại một số trấn thuộc Bắc thành - là những địa phương vốn có truyền thống phát triển về giáo dục làm nhiệm vụ dạy bảo học trò tại các lớp sơ học thuộc trường tổng.

Trường quan phương tại Kinh đô Huế tiếp tục được triều đình cho xây dựng làm nơi học tập cho con cháu trong tôn thất hoàng tộc và quan lại. Đáng chú ý nhất là các trường *Tập Thiện đường* (giảng đường), lập năm Gia Long 16 (1817), là nơi dạy dỗ các Hoàng tử, Hoàng tôn của nhà vua, những người trong tương lai sẽ trị vì đất nước; *Tôn học đường* (còn gọi *Sở Tôn học*), trường học dành cho những người trong tôn thất, là con cháu của các thân phiên¹, hoàng thân (trừ những người đã được tập ẩm phong tước), có độ tuổi từ 10 đến 35.

Tuy quy mô, số lượng trường học ở hai triều đại này có khác nhau, nhưng trong việc ban hành quy chế học quy trường học lại khá thống nhất cho cả học quan và học trò.

2.2. Nội dung học quy trường học

Nhà nước phong kiến từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX vẫn duy trì học quy nghiêm ngặt như triều Lê sơ, triều Mạc trước đó trong việc yêu cầu học quan phải tuân thủ kỷ luật giảng tập, nêu cao trách nhiệm dạy bảo học trò cùng thái độ nghiêm cẩn rèn tập của học sinh. Nhà nước yêu cầu học quan phải quản lý chặt chẽ thời khắc học tập của học sinh, thực hiện tốt chức trách của một người thầy, như trong chỉ dụ chúa Trịnh Tạc ban hành năm 1683: “Khi giảng tập phải giữ đúng thời khắc, chần nuôi dân, chớ làm điều chính sự bạo ngược” (Ngô Cao Lãng, 1995, tr.81). Học trò chịu sự quản lý trực tiếp của các học quan, đồng thời phải chấp hành đầy đủ, nghiêm túc “học quy” về thời khắc, thái độ khi học tập: “Các Giám sinh, Sinh đồ, Nho sinh, cứ đến ngày mùng một, ngày rằm hàng tháng đều phải mặc áo mũ điểm mực đúng như phép đã định. Phải tuân theo học quy, tập học nghiệp cho được thành tài giúp ích cho nước” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 1993, t.3, tr.60). Ngoài thời gian học tập trên lớp, học trò phải tự học, tự nghiên cứu, tập làm các bài văn sách.

Với tư cách là trung tâm giáo dục Nho học lớn nhất của cả nước, được xây dựng nhằm “thi hành lễ nhạc, tuyên bố đức hóa, sáng tỏ văn minh, lưu hành ơn dạy”, nên triều Lê - Trịnh và triều Nguyễn rất quan tâm việc ban hành nội quy học tập trong trường Quốc Tử Giám. Đối với Giám sinh, triều đình yêu cầu chặt chẽ hơn về chấp hành nội quy trường học. Theo đó, Giám sinh chỉ được ở trong ký túc xá, ngoài giờ học họ chỉ được ăn ở và sinh hoạt tại những nơi đã được quy định trong trường, không được rong chơi bỏ trễ việc học, không được tụ tập uống rượu, đánh bạc, gây huyên náo ở trong trường, nếu vi phạm sẽ bị đuổi về, không cho vào học nữa. Nhà nước đặc biệt nghiêm cấm tệ rượu chè, cờ bạc, trộm cắp, trai gái, nhất là nghiêm cấm đàn bà con gái đi vào nhà Di luân và nhà ở của Giám sinh... Giám sinh nào vi phạm những điều cấm này sẽ bị đuổi khỏi trường để nghiêm giữ nội quy. Nghị định ban hành năm Tự Đức 6 (1853) nêu rõ: “Quan Quốc Tử Giám ngày thường kiểm soát thư sinh không để tụ tập uống rượu đánh bạc, gây huyên náo, không được tùy tiện đưa vợ và gái vào ở. Lại không được phá hỏng phòng ốc. Nếu có những tệ trạng đó, quan ở Quốc Tử Giám tức khắc đuổi đi để nghiêm giữ nội quy” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b, t.6; tr.22). Từ năm 1827, triều đình yêu cầu học quan Quốc Tử Giám phải phân công lịch giám sát,

¹ Những vị hoàng thân được cử cai quản vùng biên trấn, biên viễn.

kiểm tra khu ký túc xá của Giám sinh, đồng thời ban hành các hình thức xử phạt phù hợp. Theo quy định, cứ ba ngày quan nhà Giám kiểm xét một lần. Nếu có Giám sinh rời khỏi phòng ở, qua ngày không về mà lặp lại từ một đến hai lần bị các quan răn bảo; nếu đi quá ba lần thì bị nêu ra trị tội.

Kỷ luật học tập của học trò là một trong những nguyên tắc được các triều đình quân chủ coi trọng. Theo đó, học sinh phải theo học đầy đủ lịch giảng tập, được ghi tên vào sổ; khi tham gia học tập không được lười biếng, nếu học sinh lười biếng thì học quan đánh mắng cho biết nhục. Nghỉ học phải có lý do, ngoại trừ ốm đau mới cho phép cáo nghỉ, nếu tự ý bỏ vắng từ ba ngày trở lên sẽ bị tra xét, răn đe, đánh roi, thậm chí cắt học bổng. Vào năm 1852, vua Tự Đức đã ban hành chỉ dụ nêu rõ hình phạt đối với hạng Âm sinh, Tôn sinh của Quốc Tử Giám vi phạm kỷ luật, theo đó, nếu bỏ thiếu từ năm ngày trở về thì đánh roi quở trách, thiếu đến mười ngày thì đình cấp học bổng một tháng. Quy định là như vậy, nhưng trên thực tế hiện tượng Giám sinh bỏ bê việc học vẫn diễn ra khá thường xuyên, nhất là bộ phận Tôn sinh. Để ngăn chặn, triều Nguyễn đã thi hành một số biện pháp chấn chỉnh như định quy thức đánh giá, khen thưởng, xử phạt dựa vào kết quả học tập, định hạn nghỉ phép... cho họ. Theo đó, khi đánh giá kết quả học tập, triều đình yêu cầu trong mỗi quý, học quan trưởng Giám xét số ngày ngồi học nhiều hay ít, cùng nghĩa lý học được thuộc hay không thuộc, việc luyện tập văn bài thông hay không thông để phân chia hạng thành các hạng ưu, bình, thứ, liệt. Trên cơ sở phân hạng sẽ giữ, tăng hoặc cắt giảm lương bổng hàng tháng, cụ thể là: hạng ưu tăng một nửa nguyên bổng, hạng bình giữ như thường, hạng thứ, giảm một phần, hạng liệt giảm một nửa (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, t.2. tr.904). Đồng thời để phòng sự lười biếng, triều Nguyễn cũng cho định lại lệ “xin nghỉ phép” của Tôn sinh khi “gặp ngày húy” cha mẹ, ông bà hoặc bản thân bị ốm đau. Theo quy định năm 1829, phạm gặp ngày húy cha mẹ, cho nghỉ năm ngày, cha còn hoặc mẹ còn thì ba ngày; gặp ngày húy ông bà, hay cụ, kỵ mà cha mẹ mình đều mất rồi cho nghỉ ba ngày, cha còn hoặc mẹ còn thì hai ngày. Người đau ốm nhẹ thì điều dưỡng ở trong phòng, nặng thì nghỉ mười ngày, chưa khỏi lại gia một hạn, nếu ai lấy cớ mắc bệnh để rời khỏi phòng ở bị đánh roi (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, t.2. tr.866). Khi đã hết hạn phải quay về trường, nếu không thì bị răn phạt. Theo lệ định năm 1838, chậm hạn một ngày không đến phạt thêm một bậc, tội đồ năm mươi roi, nếu vô cớ mà bỏ thiếu thì không chỉ bản thân Tôn sinh mà Giám thân, Học chính và cha anh người ấy cũng bị trừng trị.

Trong quan hệ với thầy giáo, bạn bè, học trò phải lấy lễ đối xử với nhau, kính trọng người lớn, khi tiến lui đi đứng nói năng đều phải theo đúng lễ nghĩa, hợp pháp độ (*Đại Việt sử ký tục biên*, 1991, tr.447). Tuy nhiên, càng gần về cuối thế kỷ XVIII, tình hình giáo dục Nho học càng bộc lộ nhiều bất cập, khi nề nếp giảng tập của cả thầy và trò trở nên sao nhãng, không còn quy củ như trước nữa, như phản ánh của nho sĩ Ngô Thì Nhậm: “Học quan ở Quốc Tử Giám tuy có môn sinh ở Lục đường, song ngày tháng học tập, bất quá để giục những học trò cấp sách ở kinh, phổ vào trường theo thầy học, chương cú hiểu qua loa... còn học trò ở Quán cục, giỏi hay không giỏi, học trò ở Lục đường chơi hay chăm chỉ đều không tính đến” (*Đại Việt sử ký tục biên*, 1991, tr.447). Trước thực trạng đó, chúa Trịnh Sâm yêu cầu cần quản lý chặt chẽ hơn nề nếp học tập để chấn chỉnh nền văn phong: “Tế tửu, Tư nghiệp hàng ngày đến nhà Thái học, tập hợp học trò, giảng kinh sử... Do vậy,

Nho phong dần dần được chấn hưng” (Đặng Xuân Bảng, 2000, tr.594-595). Năm 1779, chúa Trịnh Sâm còn tự soạn ra bản “học quy” để dùng ở Quốc Tử Giám và các trường Phủ lộ, nhấn mạnh “trước đức hạnh, sau nghệ văn”, đồng thời cho lập sổ học tịch ở mỗi trường để theo dõi việc học tập hàng ngày của học trò. Căn cứ vào sổ học tịch, cuối năm xét ai chịu khó học hành, có tài phẩm thì biểu dương, còn người học kém thì phải sửa mình mà cố gắng học hành. Chúa Trịnh Sâm cũng yêu cầu rất cao việc giáo dục đạo lý cho Giám sinh, theo đó, những ngày học trò rồi rỗi không phải nghe giảng thì học quan phải dạy thêm cho họ đạo lý, và tùy theo tính nết của từng người mà dụ bảo để khi giao tiếp, ứng xử nói năng phải theo đúng lễ nghĩa, hợp pháp độ. Muốn thực hiện được mục tiêu này, học quan phải nắm bắt, ghi chép đầy đủ thông tin của các hạng học sinh để lựa chọn những học sinh ưu tú thật sự được theo học trong trường: “Với các học trò lại tìm biết lai lịch, hỏi han quê quán bạn hữu, người thân xem có người nào hiếu đễ, đức hạnh, tài năng thì ghi riêng vào một sổ để dâng tiến, người nào làm nhiều việc xấu, bất hiếu hay chơi bời, phóng đãng, đánh bạc uống rượu... thì đuổi về không cho vào học” (*Đại Việt sử ký tục biên*, 1991, tr.478).

Phẩm hạnh, cách thức giảng, phép dạy của người thầy tác động rất lớn đến nhân cách, đạo đức của người học, do đó, nhà nước đòi hỏi rất cao các học quan phải thực hiện nghiêm túc nội quy trong trường. Trước hết là phải có trách nhiệm khuyến khích học hành, cần hết sức công bằng mà kén chọn học trò, chớ vì riêng tư mà phải lỗi lầm dụng, chớ xem việc làm cho xong mà phụ ý tác thành (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b, t.6, tr.34). Trước những hiện tượng Giám sinh có hạnh kiểm không đứng đắn, lại nhiều vết xấu, kiêu bạc, học hành không tiến bộ, văn chương không nổi bật, nguyên nhân chủ yếu là “chức vụ khuôn mẫu của bậc thầy còn nhiều câu thả tắc trách” (Nội các triều Nguyễn, 2005, t.8, tr.574), triều Nguyễn yêu cầu học quan Quốc Tử Giám phải nghiêm khắc răn mình, giữ đúng giờ khắc giảng tập, không được đem phụ nữ vào trong khuôn viên trường học. Đồng thời cho định lại chương trình khảo tập, lập cách thưởng phạt, khen thưởng người giỏi, răn bảo người kém, khiến cho học trò bốn phương trông vào đấy mà phấn khởi cố gắng, để được có nhiều người học rộng văn hay.

Việc ban hành các chỉ dụ về chấp hành nội quy trong trường học là cơ sở để học quan quản lý học sinh, giúp người học học tập thành tài, đồng thời thấy được sự chăm chỉ, chuyên cần hay lười biếng của họ để có hình thức khen thưởng, xử phạt kịp thời.

3. Trường quy

Trường quy là những phép tắc phải giữ trong trường thi. Giám sinh phạm trường quy sẽ bị hỏng (Ban Văn học Hội Khai trí Tiến Đức, 1931, tr.615), bắt buộc thực hiện cả đối với *quan trường* - những viên chức ở trường thi làm nhiệm vụ trông coi việc thi cử, và *thí sinh* - người tham dự các kỳ thi.

3.1. Trường quy dành cho thí sinh

Ngoài đảm bảo về lý lịch, đạo đức khi dự thi, theo quy định của Nhà nước phong kiến, khi dự kỳ thi tuyển chọn Tiến sĩ, thí sinh dự thi phải tự sắm sửa đủ các đồ dùng tối thiểu để

phục vụ cho việc thi như lều, chiếu, yên, chõng, tráp đựng bút, mực, dao, kéo và một ống gổ đeo ở cổ để đựng quyển thi, gọi là ống quyển, cùng thức ăn trong ngày. Đến ngày thi, thí sinh phải tuân thủ một số trường quy rất nghiêm ngặt sau:

Thí sinh không được mang tài liệu vào trường thi. Đây là quy định bắt buộc thí sinh dự thi bất cứ kỳ thi nào cũng phải thực hiện, ai vi phạm sẽ bị đuổi thi, thậm chí bị hình phạt. Triều Nguyễn phân loại tài liệu này gồm hai loại: loại thứ nhất là giấy tờ có chữ “đích thực là chép văn cũ hoặc ghi nghĩa sách” thì trước đây chỉ bị đuổi ra khỏi trường. Đến năm 1826, triều đình cho rằng phạt như vậy là quá nhẹ, nên đã gia tăng hình phạt: nếu sĩ tử thi Hương mang theo giấy tờ có chữ ở trường hay trong vi², thì “phải gông một tháng, ngày mãn hạn đánh 100 trượng rồi tha” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, t.3, tr.190). Đến thời Tự Đức còn quy định thêm: sĩ tử nào vi phạm sẽ bị trả về quê, vĩnh viễn không được đi thi. Trong thi Hội, ai mang loại tài liệu này vào trường thì bị xử phạt nặng hơn, bắt về làm dân, chịu sai dịch vĩnh viễn, không được đi thi, không được làm việc ở nha môn. Loại tài liệu thứ hai là các sĩ tử dự thi mà bị quan trường khám thấy ở lều, chiếu, hòm, tráp hoặc khăn gói, khăn trầu để lẫn giấy có chữ, xét ra không phải giấy chép nghĩa sách và văn bài đi thi thì “lập tức đánh 40 roi, rồi cho vào trường làm văn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, t.3, tr.428-429). Để ngăn chặn hiện tượng vi phạm đó, triều Lê - Trịnh đã yêu cầu thí sinh không được phép mặc áo kép, chỉ được mặc hai áo đơn, nếu ai làm trái phép bị đuổi ra khỏi trường thi (Phan Huy Chú, 2007, t.2, tr.52).

Thí sinh phải ngồi đúng vị trí thi, không được cố ý đóng lều sai chỗ, tự ý bỏ hoặc sửa đổi tên trên thẻ tre. Nhất là trong trường thi Hương vì quá đông nên hay xảy ra hiện tượng này, do vậy các triều đại rất nghiêm khắc với trường quy này. Theo quy định của triều Nguyễn, thí sinh nào vi phạm sẽ bị đóng gông giam trước trường thi, rồi đánh phạt 100 trượng rồi tha (Vĩnh Cao, 1998, tr.45).

Khi vào trường thi, thí sinh không được liên hệ với người bên ngoài trường. Để ngăn hiện tượng này, các vương triều nghiêm cấm nhà dân xung quanh trường không được chứa chấp người ngoài vào làm bài thi hộ, nếu bắt được sẽ bị xử phạt, như khoa thi Hương năm 1807, triều Nguyễn quy định: học trò mượn người làm bài hay làm bài thay cho người khác thì xử sung quân đi lính.

Khi đã có đề thi, thí sinh không được làm ồn, đi lại lộn xộn trong khu vực thi, không được rời khỏi lều thi đi hỏi bài hay thay đổi thẻ ghi tên, phải giữ trật tự không được làm náo động, ai làm trái đều bị đuổi ra khỏi trường thi hoặc bị xử tội.

Khi bắt đầu hiệu lệnh vào thi, thí sinh phải đi lấy dấu “giáp phùng” ở trang hai và ba của quyển thi để ngăn chặn việc đổi phần dưới của quyển thi hoặc đem quyển thi viết sẵn từ ngoài vào thay thế; thí sinh tự đi chép đề bài thi về làm bài và đến giữa buổi lấy dấu “nhật trung”.

Trong bài viết của thí sinh không được vi phạm các lỗi: *bạch tự* (chữ đáng viết kép lại viết đơn), *bất túc* (viết không đủ số chữ quy định cho bài thi), *duệ bạch* (để giấy trắng), *tì ó*

² Vi là khu vực dự thi của các thí sinh. Thời Nguyễn, trong trường thi Hương, nơi thí sinh dựng lều để làm bài thi được chia làm 4 khu vực nhỏ, gọi là 4 vi, do đó vi có nghĩa là vây quanh vì mỗi vi đều có dựng hàng rào xung quanh. 4 vi được đánh số thứ tự: bên trái là “vi giáp”, phía sau là “vi tả”; bên phải là “vi ất”, phía sau là “vi hữu”. Nếu thí sinh quá đông thì chia làm 8 vi. Ở trường thi Hội, do thí sinh dự thi ít nên chỉ chia thành 2 vi: vi giáp và vi ất.

(dây bản), *khiếm trang* (tức là viết những chữ không có nghĩa đẹp đẽ mà có nghĩa xấu như “bạo”, “sát”, “tối tăm”, “tàn bạo”, “giết”... ở bên trên những chữ chỉ vua như “hoàng thượng”, “quân vương”...), *khiếm tự* (nghĩa là những chữ nói đến tên các điện, các lăng tẩm của vua mà không tránh đi) (Nguyễn Tiến Cường, 1998, tr.86); *khiếm đài* (tức gặp chữ tôn quý mà không viết trôi lên khỏi dòng thường). Thí sinh khi viết bài phải tránh những chữ phạm húy: chữ trọng húy (tên vua) phải viết thành từng mảnh ghép lại, chữ khinh húy thì phải viết thiếu nét; nếu thí sinh phạm lỗi trọng húy thì bị tù đầy, thầy giáo giảng dạy cũng bị liên lụy gồm bị phạt tù, hạ chức, hạ lương... Thể lệ thi Hương năm 1678 dưới triều Lê - Trịnh còn yêu cầu thí sinh khi làm bài phải có thể thức văn trong sáng, gần thực tế, không dùng ngôn từ phù phiếm, chữ viết phải y như bản chính: “Những chữ thực, như chữ Kinh Truyện là lời cách ngôn của thánh hiền, nét chữ phải viết y như bản chính, nếu viết sai, đều cho là chữ không thành” (Phan Huy Chú, 2007, t.2, tr.41). Triều Nguyễn quy định về cách viết chữ và làm bài của thí sinh, theo đó bài viết có thể viết bằng chữ chân hay chữ thảo, thường thi Hương viết chữ chân, thi Hội viết chữ thảo.

Sau khi làm bài xong, thí sinh phải nộp bài đúng hạn. Theo lệ thi Hương thời Nguyễn, bài làm phải nộp trong vòng giờ Tuất. Bài nộp đúng hạn được bỏ vào hòm niêm phong, những quyển thi nộp muộn sau khoảng thời gian từ cuối giờ Dần đến đầu giờ Tuất thì vẫn nhận, nhưng bỏ thùng riêng gọi là ngoại hàm và tạm thời sẽ không được chấm (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2011, tr.402).

3.2. Trường quy dành cho quan trường

Theo quy định, sau khi các quan tiền trường, công trường thường bị khóa lại, có lính canh gác suốt ngày đêm không cho ai ra vào (“nội bất xuất, ngoại bất nhập”). Các quan trường nếu không có việc công thì không được qua lại, ai ở phòng này, gần như bị giam lỏng để tránh chuyện thông đồng, gian lận. Thậm chí, vào khoa thi năm Giáp Thân (1884), khi bác sĩ quân y Hocquard đến xem trường Hà Nội còn thấy treo trước cửa phòng các Khảo quan những mảnh giấy niêm phong, đã được Chủ khảo cắt sau khi thi xong để mở cửa cho các quan ra khỏi phòng (Nguyễn Thị Chân Quỳnh, 2003, tr.142).

Ngoài quy định chung trên, trong khi thực hiện nhiệm vụ, các khảo quan phải tuân thủ theo những quy định chặt chẽ sau đây:

Quan trường không tiếp xúc với thí sinh. Nguyên tắc này được triều đình quy định thành điều lệ cụ thể cho quan trường trông coi thi Hương, cũng là quy định chung cho các quan ở trường thi Hội, thi Đình. Năm 1807, vua Gia Long quy định: nếu quan trường và sĩ tử thông đồng, gửi gắm trong khi thi thì quan trường bị xử giáng bãi chức, sĩ tử bị phạt và xử tội đồ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, t.1, tr.702-703). Năm 1834, Minh Mệnh quy định cụ thể hơn: “Quan trường cùng với sĩ tử thông đồng gửi gắm thì quan trường bị giáng hoặc cách, sĩ tử nếu phạm thì khép phạt trọng và tội đồ. Mượn người gài văn hoặc gài văn cho người đều bị sung quân. Lại điễn cùng với mật sát và Thể sát làm bậy cũng bị khép phạt trọng và tội đồ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, t.3, tr.509). Thậm chí, quan Giám khảo các kỳ thi Hương và sĩ tử, nếu có hành động xấu như quan hệ thông đồng với nhau để gửi gắm, mua chuộc, hối lộ, có thể sẽ bị trảm quyết (Cao Xuân Dục, 2011, tr.103).

Quan trường không tiếp xúc với nhau. Trong trường thi, các quan làm việc ở Nội trường và Ngoại trường không được tự ý ra vào. Các quan Sơ khảo và Phúc khảo không được tự tiện “đi lại với nhau”. Riêng ngày ra bảng thì các quan có thể gặp nhau, còn những khi không phải là công việc, mà vì việc riêng đến thăm nhau hoặc đánh bạc hay chơi đùa thì sẽ bị xử theo luật. Năm Tân Sửu (1841), Chủ khảo trường Thừa Thiên là Bùi Quỹ mộ chữ đẹp của Sơ khảo Cao Bá Quát, triệu ra ngoại trường viết bảng. Phúc khảo Nguyễn Văn Siêu giữ Quát ngủ một đêm ở Ngoại trường. Việc bị phát giác, Chủ khảo bị cách chức, Giám khảo bị giáng chức, Nguyễn Văn Siêu bị phạt trọng và tội đồ.

Để ngăn ngừa những vi phạm như nêu trên, vào năm 1862, triều đình ban hành hẩn Nghị định phân công vị trí ngồi của các quan Đồng khảo theo các vị cụ thể. Theo đó, tất cả những viên sung chức làm Đồng khảo mà có quê từ Quảng Bình trở về nam thì sung vào vị Ất để chấm; quê từ Hà Tĩnh trở ra bắc sung vào vị Giáp để chấm. Ngày tiến trường, mỗi người theo phòng trong viện mà ở, còn như quyền thi của các sĩ tử vào trường, thì viên Đề điệu theo lệ tùy vi mà chuyển giao. Chấm văn vẫn giao cho quan trường lo liệu. Nếu có qua lại, quan hệ riêng tư thì giao ngay cho viên coi việc giám sát trường thi trích lỗi, chiếu lệ nghiêm trị. Như vậy, với quan Đồng khảo với người đi thi, không những có thể ngăn không cho liên hệ với nhau mà việc hao phí vô ích cũng giảm thiểu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007b, t.6, tr.65).

Quan trường không được mang giấy mực, đồ in chữ hoặc giấy có chữ vào trường thi, nếu không sẽ bị nghiêm trừng. Theo quy định các kỳ thi, thí sinh đều làm bằng mực đen nên quan trường sẽ chấm bài bằng các màu mực khác nhau, vì vậy cấm quan trường đem theo mực đen (Vĩnh Cao, 1998, tr.44). Thực tế vẫn có hiện tượng quan trường không thực hiện nghiêm theo trường quy này, như khoa thi năm Tân Sửu (1841), Cao Bá Quát (1809-1854) làm Sơ khảo trường thi Thừa Thiên, cùng Phan Nhạ lấy muội đèn sửa hộ 24 quyền thi phạm trường quy, vớt được 5 thí sinh. Việc làm này bị tố cáo, xử tội trăm quyết, sau được vua Thiệu Trị xét Quát là người giỏi, lại không phạm tội ăn hối lộ nên giảm án xuống giam giữ (giam lại đợi ngày xử giảo, chết được toàn thân, kể như nhẹ tội hơn bị chặt đầu) sau cho đi *duang trình hiệu lực*, tức là được theo một phái đoàn hoạt động ngoại giao, lấy công chuộc tội.

Thận trọng khi chấm thi, ra đề thi và lựa chọn những quyền thi có văn lý tốt. Đây là một trong những trường quy rất quan trọng đối với quan trường, nhất là bộ phận quan làm nhiệm vụ chấm thi, để tránh sai sót, đảm bảo sự công tâm khi chấm bài, lựa chọn được trúng những quyền thi tốt. Triều Lê - Trịnh yêu cầu quan trường phải thực hiện đúng chức trách của mình, nghiêm sức giữ phép công, không được theo ý riêng, không được thông đồng trước để làm điều mờ ám trên quyền thi. Thậm chí, vào năm 1717, còn khuyến khích các quan viên, Nho sinh ở trường thi Thanh Hóa, Nghệ An và Tứ trấn được phép tố giác những quan viên có hành vi “những lạm”, ai không tố giác, nhất là Nho sinh phát hiện mà không tố, thì vừa bị hủy kết quả vừa bị luận tội. Bởi vậy, trong mỗi trường thi khi phát xong đề thi, quan thí viện (Đề điệu và Giám thí) ngồi trên chòi gác ở nhà Thập đạo cùng các quan giám sát để coi xét sĩ nhân làm bài nhằm phát hiện ai vi phạm trường quy. Các quan làm nhiệm vụ chấm thi (Giám khảo, Đồng khảo, Phúc khảo, Di phong, Soạn tự hiệu, Đăng lục, Đối độc) phải ở riêng từng khu vực, khi thí sinh làm bài không được tự tiện đi lại

chuyện trò. Đặc biệt “các viên Đăng lục, Đối độc phải sao cho đúng, đọc cho đúng như nguyên văn, và trên mỗi quyển thi phải chua rõ họ tên của người sao, hay người đọc, không được bỏ sót và thêm bớt thay đổi, làm sai thì xử tội” (Phan Huy Chú, 2007, t.2, tr.53).

Thời Nguyễn, yêu cầu quan trường thận trọng khi chấm bài còn được thể hiện ở chỗ cần phát hiện ra những lỗi vi phạm của thí sinh trong quyển thi nhất là ở quyển thi Hương như lỗi *khiếm ty*, *khiếm trang*, *khiếm dài*...; nếu phát hiện ra lỗi của học trò thì quan trường chấm thứ nhất phải ghi chú lại để quan chấm sau thẩm định lại, quan chấm lần đầu không phát hiện ra, mà bị quan chấm sau phát hiện sẽ bị lập danh sách gửi lên triều đình để xử tội. Năm 1837, triều đình quy định quan trường chấm văn phong phải cân nhắc kỹ, phê xong không được phê lại, nếu không sẽ bị đình thần nghị tội (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, t.3, tr.33).

Trong các khoa thi, triều đình cũng rất chú trọng đến quy định quan trường phải thu quyển đúng giờ. Theo quy tắc trường thi Hương, thi Hội thời Nguyễn, sĩ tử lấy *trống sưu không* làm giới hạn để nộp bài. *Sưu không* là chỉ những nơi công sở, cứ hết ngày đến tối thì kiểm soát xem có còn kẻ gian nào lẫn quất ở trong không rồi đóng cửa thành để canh phòng ban đêm, còn trong trường thi, đến hết ngày thì đánh 3 hồi trống gọi là trống sưu không hay thu không, hết ba hồi ấy mà ai không nộp quyển là ngoại hạn (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, t.8, tr.337); yêu cầu quan trường phải thu quyển đúng giờ. Nhưng thực tế, nhiều quan trường đã không làm đúng chức trách của mình, bởi vậy, vào năm 1879 triều Nguyễn ban hành chỉ dụ định lại thời hạn làm bài và thu bài ở kỳ thi Hương, thi Hội: “Gần đây, quan trường phần nhiều rộng tiếng khoan đại, hoặc cho đến canh một, canh hai, học trò mới quen lấy làm thường. Đến nay, định ngặt theo như lệ, quan trường nếu lại dung túng như trước, việc phát giác ra, tức thì chiếu luật trái lệnh nghiêm nghị thêm bậc lên” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, t.8, tr.339). Do đó, việc thu quyển đúng hạn cũng là một trong những trường quy bắt buộc đối với quan trường.

Thực hiện nghiêm lệ “hồi ty” giữa các quan trường. “Hồi ty” nghĩa là tránh đi, yêu cầu những người có quan hệ thân thiết không được tham gia vào công việc thi cử để phòng có tệ nạn trong khoa cử. Triều Lê - Trịnh vẫn duy trì nguyên tắc *lệ hồi ty* khi quy định các viên Di phong, Soạn tự hiệu, các viên lại viên mà quê ở xứ có trường thi thì không được dự trông coi việc thi ở đó, phải xin chuyển làm việc ở trường thi khác. Theo quy định của triều Nguyễn, khi quan chức được chỉ định tham gia vào các kỳ thi, nếu có người thân thuộc đi thi hoặc cùng với quan sung việc trường thi ấy có họ hàng thân thuộc, thì khi triều đình tuyên phái, cho phép người đó có “lời xin kiêng tránh. Còn các người thư lại, cho phép trình với quan bộ đường biết, không được cố giấu”. Nghĩa là quan trường đó phải trình lên triều đình xin thôi trách nhiệm tại trường thi đó hoặc xin chuyển làm việc ở trường thi khác. Đến năm Minh Mệnh thứ 15 (năm 1834) và 16 (năm 1835), nhà vua ban dụ, yêu cầu từ quan trên cho đến những Lại điển nếu có thân thuộc tham dự thi đều phải thực hiện “hồi ty”. Chỉ dụ năm 1835 nêu rõ: “Nếu nhân viên dự phải đi việc trường thi, như có họ thân chú, bác, anh em, cậu cháu cùng một nhà, cũng chuẩn cho kiêng tránh cả, để giữ nghiêm trường quy. Trong trường hợp không có người thân dự thi, tại điểm mình trông thì viên Lại điển phải xuất trình đủ giấy tờ có đóng dấu và cam đoan mới được tham gia” (Nội các triều Nguyễn, 2005, t.4, tr.29). Về hàng thân thuộc được quy định là chú bác ruột, anh em chú bác ruột, cháu gọi bằng chú bác ruột, cậu ruột, anh em cô cậu ruột. Từ năm 1877, bắt đầu đặt thêm lệ “hồi ty” đối với trường hợp có con rể đi thi.

4. Thảo luận và kết luận

Có thể thấy, với chính sách đề cao giáo dục Nho học, coi giáo dục và khoa cử là một trong những phương cách rất quan trọng để đào tạo, tuyển chọn nhân tài phục vụ vương triều, các triều đại quân chủ Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX đã ban hành và thực thi nhiều chính sách quan trọng để khuyến khích giáo dục, khoa cử phát triển, trong đó có việc ban hành học quy trong trường học và trường quy trong trường thi.

Đối với học quy trong trường, cả triều Lê - Trịnh và triều Nguyễn đều có những quy định rất nghiêm khắc về ý thức tham gia học tập của học trò, trách nhiệm của người thầy trong việc quản lý, giảng dạy. Theo đó, người học phải tuân theo đúng thời khắc, kỷ luật học tập, không bỏ bê việc học hay có hành vi thiếu tôn nghiêm trong trường, nhất là ở trường Quốc học. Học quy cũng quy định học trò phải tôn trọng thầy giáo, đồng môn của mình. Đối với các học quan, cần làm tốt trách nhiệm trong việc quản lý giờ giấc, giảng bài, chấm bài và rèn luyện đạo đức cho học trò, trong đó việc giáo dục “lễ” tức đạo đức, đạo lý làm người cho học sinh, và xác định việc học phải là “trước đức hạnh, sau văn nghệ”, luôn coi đó là mục đích giáo dục hàng đầu. Như chỉ dụ của chúa Trịnh Cương khi ban hành 10 điều giáo hóa năm 1721: “Học trò siêng năng về nghề nghiệp, học hành, trước hết giảng giải cho sáng tỏ những điều lễ, nghĩa, trung, tín. Làm người phải giữ tâm vững luân thường” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, t.2, tr.142). Giáo dục đạo làm người cũng chính là giáo dục con người biết coi trọng luân thường đạo lý, tuân thủ nghiêm túc nguyên lý của đạo đức Nho gia “tam cương, ngũ thường”³ như trong mối quan hệ “quân - thần” (vua - tôi) - đó là đạo lý “vua lấy lễ mà sai khiến, tôi đem lòng trung mà phụng sự”. Vì vậy, khi học trò hay học quan có những hành vi sai trái với đạo lý làm người, vi phạm học quy trong trường, đều bị triều đình xử phạt rất nghiêm. Đặc biệt, do là trung tâm giáo dục Nho học lớn nhất của cả nước, có chức năng giáo dục đào tạo đội ngũ trí thức Nho học cao cấp cho Nhà nước, nên học quy trong trường Quốc Tử Giám dành cho cả thầy và trò được các triều đại quy định nghiêm khắc hơn, cụ thể hơn.

Trong tổ chức khoa cử, để kỳ thi diễn ra nghiêm túc, lựa chọn được đúng người hiền tài, có năng lực và phẩm hạnh tham gia vào bộ máy chính quyền, triều đình đã đặt ra trường quy rất chặt chẽ đối với cả thí sinh dự thi và quan trường trông coi thi cử. Đối với thí sinh phải tuân thủ một số trường quy rất nghiêm ngặt, từ quy định về chỗ ngồi, quy cách viết chữ, thể cách làm văn cùng những điều cấm trong trường thi; nếu ai vi phạm sẽ bị xử lý, đuổi ra khỏi trường thi hoặc không được công nhận kết quả. Những quy định này cho thấy chính quyền phong kiến rất đề cao việc đảm bảo cho kì thi diễn ra nghiêm túc, công bằng nhằm lấy được những người có thực tài. Nhưng một số trường quy lại quá khắt khe, nhất là về chữ húy, đã làm cho nhiều thí sinh thực sự có tài năng, nhưng vì vi phạm một lỗi nhỏ, suốt đời không thể tiến thân bằng con đường khoa cử được. Đối với quan trường, những quy định trường thi càng chặt chẽ hơn từ khâu ra đề, chấm bài, giám sát thi cử, nhất là việc hạn chế giao tiếp giữa các quan với nhau, giữa quan trường với thí sinh. Trong đó chú ý nhất là lệ “hồi ty” trong thi Hương để ngăn chặn hiện tượng gửi gắm người thân quen, đảm bảo cho kỳ thi diễn ra nghiêm túc, lựa chọn được các nho sĩ có trình độ để dự thi Hội giành học vị Tiến sĩ. Việc đề ra học quy, yêu cầu thực hiện nghiêm túc học quy trong trường học cũng

³ Tam cương: Ba giềng mối quan hệ quân - thần (vua - tôi), phụ - tử (cha - con), phu - phụ (chồng vợ). Ngũ thường: Năm điều phải hằng có trong khi ở đời, gồm: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

như yêu cầu sĩ tử, quan trường tuân thủ nguyên tắc trường quy ở các trường thi Hương, thi Hội đã phát huy vai trò tích cực của nền giáo dục, khoa cử Nho học trong suốt các thế kỷ XVII-XIX. Chủ yếu nhất là đã góp phần rất quan trọng vào việc giáo dục, đào tạo đông đảo sĩ tử xuất thân từ nhiều tầng lớp trong xã hội có trình độ tham gia thi cử, đỗ đạt ra làm quan cho chính quyền trung ương; góp phần đào tạo nên bộ phận nho sĩ có trình độ, đức độ trở thành những thầy giáo gương mẫu có công đào tạo nhiều thế hệ học trò đỗ đạt, thành danh.

Bên cạnh mặt tích cực đó, do ý thức hệ Nho giáo ngày càng suy yếu, tâm lý coi trọng bằng cấp văn chương, cùng những chuyển biến của chế độ chính trị xã hội, sự ảnh hưởng của nền kinh tế hàng hóa, sự du nhập của đạo Kitô, Nhà nước lại quá hậu đãi đối với người đỗ đạt, nhất là đối với Tiến sĩ, đã làm cho “môi tệ” trong giáo dục và thi cử nảy sinh. Theo đó, việc vi phạm học quy, trường quy trong giáo dục, thi cử của cả thầy và trò xuất hiện ngày càng nhiều. Trong giáo dục, đó là hiện tượng học quan phẩm hạnh không gương mẫu, có những hành vi trái đạo đức nghề nghiệp. Và những trường hợp này khi bị phát hiện đều bị triều đình xử phạt rất nghiêm. Như trường hợp Đốc học Quảng Nam là Nguyễn Tiêm thực hiện hành vi cho vay nặng lãi, bị cắt chức. Viên Đốc học Biên Hòa là Đào Trinh say rượu, nói năng bừa bãi cũng bị quan Kinh doãn tham hặc và bị cắt chức.

Trong khoa cử, mặc dù đã có những quy định chặt chẽ và nghiêm ngặt về trường quy, nhưng hiện tượng gian lận của thí sinh và quan trường vẫn xảy ra ở tất cả các bộ phận, nhất là ở kỳ thi Hương. Tính riêng dưới triều Lê - Trịnh, qua thống kê có 18 sự kiện liên quan đến tiêu cực của kì thi Hương⁴, thế kỷ XVII có 7 sự kiện (chiếm 38,9%) và 11 sự kiện xảy ra thế kỷ XVIII (chiếm 61,9%). Đối với thí sinh, đó là các hiện tượng mang sách vở vào trường, gài bài, học thuộc bài làm sẵn hoặc tham gia đốt phá trường thi; hoặc nhờ người thi hộ. Với quan trường, là hiện tượng nhận hối lộ, vì tình riêng mà đánh tráo bài thi như trường hợp Phủ doãn phủ Phụng Thiên, Ngô Sách Dụ, trong khoa thi năm 1673 đã làm vậy để lấy tiền. Hoặc ra đề thi hóc búa để làm khó thí sinh như trường hợp của quan Chủ khảo Nguyễn Lại. Đến thời Nguyễn, vi phạm trường quy xảy ra ở hầu khắp các bộ phận quan trường. Đối với bộ phận Thư lại - các viên giúp việc cho Chủ khảo và Đề điệu trong trường, phổ biến nhất là việc lằm lẩn trong việc biên tên, số hiệu của quyển thi, niêm yết tên của sĩ tử, như trong khoa thi năm 1870, Thư lại Phạm Đức Sĩ và Trịnh Duy Thường do không kiểm tra rõ ràng, để có sự nhầm lẫn trong lúc chấm bài, nên đã bị phạt đánh 70 và 80 gậy tùy theo lỗi từng người (Trung tâm lưu trữ quốc gia I, 2004, t.80, tr.524). Đối với quan Giám khảo và Sơ khảo hay gặp lỗi khi không nghiêm túc chấm bài thi, sửa chữa bài làm của thí sinh; không lựa chọn đúng quyển đỗ, không phát hiện ra lỗi trường quy của thí sinh; lấy đỗ không đúng người thực tài hoặc để lộ thông tin trường thi. Nhìn chung, khi quan trường vi phạm điều lệ trường thi đều bị triều đình Nguyễn xử phạt, tuy nhiên, không chỉ bản thân họ bị mà còn liên đới tới nhiều quan trường khác, nhất là đối với quan Chánh Chủ khảo, người chịu trách nhiệm cao nhất trong thời gian diễn ra kỳ thi. Như trong trường hợp của Thư lại Phạm Đức Sĩ và Trịnh Duy Thường bị phạt gậy, các Phân khảo Nguyễn Thuận, Bùi Ước đều bị phạt 9 tháng bổng và các Chánh, Phó, Chủ khảo là Trần Văn Thiệu, Nguyễn Chính đều phạt 3 tháng bổng. Sự việc này cho thấy sự nghiêm khắc của triều đình trong việc tổ chức thi cử.

⁴ Xảy ra vào các khoa thi năm: 1664, 1673 (khoa này xảy ra 3 lần), 1687, 1698 (2 lần), 1711, 1717, 1726, 1743, 1751, 1762, 1763, 1768, 1774 (2 lần), 1777.

Vượt lên những hạn chế gặp phải, có thể thấy các điều khoản của học quy và trường quy trong hệ thống giáo dục nho học thế kỷ XVII-XIX đã góp phần rất quan trọng vào việc tiếp tục xây dựng và phát triển một nền giáo dục đáp ứng yêu cầu củng cố vương triều quân chủ chuyên chế. Kinh điển Nho gia vẫn được coi là nội dung chính của giáo dục thời kỳ này nhằm đáp ứng mục tiêu tạo ra những người quân tử thâm nhuần đạo đức Nho giáo, thực hiện lý tưởng “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Văn học Hội Khai trí Tiến Đức (1931), *Việt Nam tự điển*, Hà Nội
2. Đặng Xuân Bảng (2000), *Việt sử cương mục tiết yếu* (bản dịch của Hoàng Văn Lâu), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Vĩnh Cao (1998), *Trường quy trong các khoa thi dưới triều Nguyễn*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 9.
4. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Cục Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I (2004), *Mục lục châu bản triều Nguyễn* (Tự Đức X (1856) - Tự Đức XI (1857), t. 80, 81, 82, 83, 84, 85, Hà Nội.
6. Nguyễn Tiến Cường (1998), *Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Cao Xuân Dục (2011), *Quốc triều luật lệ toát yếu* (bản dịch của Trần Thị Kim Anh), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
8. Đại Việt sử ký toàn thư (Bản khắc năm Chính Hoà 18-1697), t.3, Nxb Khoa học xã hội, 1993, Hà Nội.
9. *Đại Việt sử ký tục biên* (1676-1789), Nxb Khoa học xã hội, 1991, Hà Nội.
10. Ngô Cao Lãng (1995), *Lịch triều tạp ký*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, t.4,8, Nxb Thuận Hóa, Huế.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội
13. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
14. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, t.2, 3, 4, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007a), *Đại Nam thực lục*, t.8, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007b), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, t.6, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
17. Quốc sử quán triều Nguyễn (2011), *Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
18. Nguyễn Thị Chân Quỳnh (2003), *Khoa cử Việt Nam (quyển thượng): Thi Hương*, Nxb Văn học, Trung tâm nghiên cứu quốc học, Huế
19. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2003), *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.